TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn V Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2018/TLST- HN&GĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị T**; sinh năm: 1987. Nơi ĐKHKTT: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện Mtỉnh Điện Biên. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn S**; sinh năm: 1977. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đề ngày 28/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Lò Thị T và anh Lò Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn S thống nhất khai tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 21/01/2010 tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống chị T, anh S hạnh phúc được một thời gian, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Chị T khai nguyên nhân do cuộc sống gia đình khó khăn và do anh S nghiện chất ma túy. Anh S khai nguyên nhân mâu thuẫn do chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; anh S thừa nhận biết sử dụng chất ma túy từ năm 2003, nhưng anh S không nghiện chất ma túy như chị T khai, thỉnh thoảng có

tiền anh mới sử dụng chất ma túy chơi thôi. Chị Lò Thị T, anh Lò Văn S khai đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, kể từ khi sống ly thân, hai anh chị không quan tâm gì đến nhau, chị T không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Anh S vẫn còn tình cảm với chị T, nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn S thống nhất có 02 con chung cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2011 và cháu Lò Hải V, sinh ngày 29/12/2012. Chị Lò Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị L đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Hải V đến khi cháu đủ 18 tuổi. Vì mỗi người nuôi một con chung nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh Lò Văn S không nhất trí giao cháu Lò Thị L cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ly sau ly hôn; anh S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu V, vì hiện nay các cháu đang sinh sống ổn định với ông bà nội. Anh S khai có thu nhập 4.000.000đ/tháng, chị T khai có thu nhập 3.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và nợ cho người khác vay: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn S không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, nên đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào trích lục kết hôn bản sao ngày 28/5/2018 của UBND xã M xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn S là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Lời khai của chị Lò Thị T về nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống gia đình khó khăn và do anh S nghiện chất ma túy,

phù hợp với biên bản xác minh ngày 04/7/2018 của Tòa án; anh Lò Văn S khai do chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh S thừa nhận thỉnh thoảng có tiền mới sử dụng chất ma túy, chứ không nghiện chất ma túy như chị T khai; anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn anh, Lò Văn S không nhất trí ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lò Thị T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; lời khai của anh S trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, giữa anh chị vẫn còn tình cảm vợ chồng là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh S, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh S đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh S đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lò Thị T, anh Lò Văn S đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị L sau ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu Lò Hải V cho anh Lò Văn S trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu về nuôi hai con của anh S chưa phù hợp với nguyện vọng của cháu Ly cũn như khả năng kinh tế của anh S; yêu cầu nuôi một con của chị T phù hợp với khả năng kinh tế của chị T và nguyện vọng của cháu L; căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nợ cho người khác vay: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn S không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

- Các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn S.

2. Về con chung:

Giao cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2011 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi;

Giao cháu Lò Hải V, sinh ngày 29/12/2012 cho anh Lò Văn S trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị T, anh S không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T và anh Lò Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/7/2018).

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn V Hương